TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2017
V/v "Ly hôn và tranh chấp nuôi con giữa anh S và chị O"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lan.
Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Viết Cương và bà Võ Thị Trúc Mai.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Khắc Quân - Thư ký TAND thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Trần Hoàng Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HN&GĐ ngày 24/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Quốc S, sinh năm 1987;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố S, Phường N, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Kiều O, sinh năm 1987;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố S, Phường N, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị;

Hiện trú tại: Khu phố C, Phường N, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn anh Lê Quốc S, có mặt tại phiên tòa; bị đơn chị Lê Thị Kiều O đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa (theo thủ tục niêm yết), nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lê Thị Kiều O vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2017 và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn anh Lê Quốc S trình bày: Anh Lê Quốc S và chị Lê Thị Kiều O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị vào ngày 20/6/2012. Cuộc hôn nhân của anh chị những tháng năm đầu hạnh phúc, nhưng thời gian sau này cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm của anh S, chị O không hợp nhau, hiện anh chị đã sống ly thân, chị O đã đưa con ra ở ngoài. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng không

còn, anh Lê Quốc S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Kiều O.

Về con chung: Anh Lê Quốc S và chị Lê Thị Kiều O có 01 con chung, cháu Lê Quốc C, sinh ngày 24/6/2012, cháu đang được chị Lê Thị Kiều O chăm sóc, nuôi dưỡng. Do nghề nghiệp của anh là lái xe, nên thường phải đi xa. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị O ly hôn thì anh có nguyện vọng giao cháu Lê Quốc C cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 1.000.000 (*một triệu*) đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Kiều O đã được tống đạt hợp lệ (theo thủ tục niêm yết) thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổ chức các phiên hòa giải, nhưng chị Lê Thị Kiều O không đến Toà án, cũng không có ý kiến gì về việc nguyên đơn anh Lê Quốc S xin ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn với bị đơn chị Lê Thị Kiều O.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về phần thủ tục tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Quốc S được ly hôn với bị đơn chị Lê Thị Kiều O. Về con chung: Giao cháu Lê Quốc C, sinh ngày 24/6/2012 cho chị Lê Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Lê Quốc S cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 1.000.000 (*một triệu*) đồng, cho đến khi cháu Lê Quốc C đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Kiều O đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lê Thị Kiều O vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, xử vắng mặt chị Lê Thị Kiều O.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Lê Quốc S và chị Lê Thị Kiều O là cuộc hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị vào ngày 20/6/2012. Xác minh tại chính quyền địa phương, nơi hai vợ chồng anh S và anh chị O sinh sống cho biết, thực trạng mâu thuẫn vợ chồng của hai người đã trầm trọng đến mức độ nào thì chính quyền địa phương không thể biết được. Qua nắm bắt thông tin thì được biết hiện vợ, chồng đã sống ly thân, chị Lê Thị Kiều O đã đưa cháu Cường là con chung của anh S và chị O đi cùng. Vụ việc anh S xin ly hôn với chị O, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật; về con chung nên xử giao cháu Lê Quốc C cho chị Lê Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà hôm nay, anh Lê Quốc S vẫn có nguyện vọng xin được Toà án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Kiều O.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng có mâu thuẫn anh S và chị O đã sống ly thân. Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù chị O biết Toà án đang giải quyết vụ án anh Lê Quốc S xin ly hôn với chị, có nguyện vọng giao con chung là cháu Lê Quốc C cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, nhưng chị vẫn không có ý kiến gì. Như vậy, chị O đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của mình, điều đó thể hiện cuộc sống vợ chồng của anh S và chị O không thể kéo dài, cuộc hôn nhân của họ đã thực sự rạn nứt và khó hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh S được ly hôn với chị O.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, anh Lê Quốc S và Lê Thị Kiều O có 01 con cung, cháu Lê Quốc C, sinh ngày 24/6/2012. Khi chị O không còn chung sống với anh S, chị đã đưa cháu C đi theo chăm sóc, nuôi dưỡng cháu; hơn nữa anh S có nghề nghiệp là lái xe, xét về thời gian thì không chủ động. Để đảm bảo sự ổn định về chỗ ở của cháu C nên xem xét giao cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quốc C.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh Lê Quốc S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Quốc C mỗi tháng 1.000.000 (*một triệu*) đồng, cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, anh Lê Quốc S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

Chị Lê Thị Kiều O trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Quốc S ly hôn với chị Lê Thị Kiều O.

Về con chung: Xử giao cháu Lê Quốc C, sinh ngày 24/6/2012 cho chị Lê Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Quốc S cấp dưỡng nuôi cháu Lê Quốc C mỗi tháng 1.000.000 (*một triệu*) đồng, cho đến khi cháu Lê Quốc C đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, anh Lê Quốc S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

Chị Lê Thị Kiều O trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Lê Quốc S phải chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tại biên lai thu tiền số AA/2014/0008002 ngày 26/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà; Anh Lê Quốc S tiếp tục phải nộp 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng.

Anh Lê Quốc S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Kiều O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP.Đông Hà;
- Chi cục THADS TP.Đông Hà;
- UBND Phường N, TP.ĐH;
- Các đương sự;
- Dán án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Lan